

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN Đ
TỈNH LÂM ĐỒNG**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 13/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 28-02-2023

V/v “Tranh chấp về ly hôn”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Đ, TỈNH LÂM ĐỒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Ngọc Vũ.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Cao Đình Nhân.

Ông Lê Văn Hoàng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trịnh Thị Lan Anh – Cán bộ Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Phương – Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 02 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 231/2022/TLST – HNGĐ ngày 17 tháng 5 năm 2022 về vụ việc: “*Tranh chấp về ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 120/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 22 tháng 11 năm 2022, Thông báo về thời gian, địa điểm mở lại phiên tòa số 20/TB-TA ngày 02/02/2023, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Trần Thị Bích L, sinh năm: 1987.

Địa chỉ: Thôn Đ, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng.

Địa chỉ liên lạc: Số 124, đường T, phường 8, thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng.

2. *Bị đơn:* Ông Trần Văn H, sinh năm: 1985.

Địa chỉ: Thôn Đ, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng.

(Bà L có mặt, ông H có đơn xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và bản tự khai của nguyên đơn bà Trần Thị Bích L trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà và ông H kết hôn ngày 26/11/2007, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng ngày 26/11/2007. Hôn nhân hoàn toàn tự nguyện, có tổ chức lễ cưới hỏi, có thời gian tìm hiểu nhiều năm. Sau khi cưới vợ chồng sinh sống tại thôn Đ, xã Đ, huyện Đ. Quá trình vợ chồng chung sống thời gian đầu thì hạnh phúc, năm 2018 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân thì nhiều mâu thuẫn tình cảm không thể giải quyết được, xung đột gia đình xảy ra không thể hàn gắn được, không có tiếng nói chung, không đồng quan điểm sống, vợ chồng không còn yêu thương nhau, đời sống chung vợ chồng đã chấm dứt, năm 2020 đến nay không sống chung với nhau, mạnh ai nấy sống không quan tâm đến nhau. Nay bà xác định tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, bà không thể tiếp tục duy trì quan hệ hôn nhân nên bà yêu cầu ly hôn ông H.

- Về con chung: Ông bà có 03 con chung là cháu Trần Chấn N, sinh ngày 01/6/2009, cháu Trần Nhật L, sinh ngày 25/10/2010, cháu Trần Nhật H, sinh ngày 04/10/2013.

Khi ly hôn bà Trần Thị Bích L yêu cầu ông Trần Văn H nuôi 03 con chung.

Về cấp dưỡng: Ông H yêu cầu thì bà cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Theo đơn bị đơn ông Trần Văn H trình bày:

Ông H có đơn đề nghị xét xử vắng mặt tại cấp sơ thẩm và phúc thẩm.

Tòa án đã tiến hành hòa giải nhưng không thành và bị đơn ông Trần Văn H có đơn đề nghị không hòa giải và xét xử vắng mặt.

Tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

* Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ:

- Về việc tuân theo pháp luật: Thẩm phán đã thực hiện việc tuân theo pháp luật đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; Hội đồng xét xử và thư ký tại phiên tòa thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nguyên đơn thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn chưa thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung vụ án: Đề nghị chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Trần Thị Bích L, xử cho bà Trần Thị Bích L với ông Trần Văn H ly hôn. Về con chung: Giao con chung tên Trần Chấn N, sinh ngày 01/6/2009, cháu Trần Nhật L, sinh ngày 25/10/2010, cháu Trần Nhật H, sinh ngày 04/10/2013 cho ông Trần Văn H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến ngày con chung thành niên. Bà L không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Đây là vụ án “Tranh chấp về ly hôn” giữa nguyên đơn bà Trần Thị Bích L và bị đơn ông Trần Văn H. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng.

Tại phiên tòa hôm nay, bị đơn ông Trần Văn H có đơn xét xử vắng mặt. Do đó, Hội đồng xét xử cần áp dụng Điều 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự để xét xử vắng mặt bị đơn ông Trần Văn H.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Xét thấy hôn nhân giữa bà L và ông H là hoàn toàn tự nguyện, có tổ chức hỏi, cưới theo phong tục tập quán, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện Đ ngày 26/11/2007. Quá trình vợ chồng chung sống thời gian đầu hạnh phúc, đến đầu năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng không có sự thống nhất trong việc làm ăn, xây dựng kinh tế gia đình vợ chồng thường xuyên cãi vã, chửi bới nhau, mặc dù đã cố hàn gắn nhiều lần nhưng mâu thuẫn ngày càng trầm trọng hơn, mạnh ai nấy sống, mỗi người ở một nơi, không còn quan tâm lẫn nhau và không có trách nhiệm đối với nhau, đời sống chung vợ chồng đã chấm dứt từ giữa năm 2020 đến nay. Bà đã lên Đ làm ăn, sinh sống cho đến nay. Ba người con chung hiện do ông H chăm sóc nuôi dưỡng, tài sản nhà, đất ông bà tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án xem xét, bà đã để nhà, đất cho ông H ở và nuôi các con. Tòa án đã triệu tập ông H nhiều lần, bản thân ông H cũng không có thiện chí hàn gắn gia đình. Xét thấy hôn nhân giữa bà L và ông H tình trạng mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung đã chấm dứt, mục đích của hôn nhân không đạt được nên chấp nhận yêu cầu của bà L được ly hôn ông H là phù hợp, đúng pháp luật.

[3] Về con chung: Vợ chồng ông bà có 03 con chung là cháu Trần Chấn N, sinh ngày 01/6/2009, cháu Trần Nhật L, sinh ngày 25/10/2010, cháu Trần Nhật H, sinh ngày 04/10/2013 hiện do ông H trực tiếp nuôi dưỡng. Các con đang học hành ổn định tại xã Đ, còn bản thân bà L đi làm thuê trên thành phố Đ. Mặt khác, nguyện vọng của các con ở với ông H. Ông H cũng không có yêu cầu cấp dưỡng, bà L đồng ý để ông H chăm sóc, nuôi dưỡng 03 cháu nên cần giao ba cháu cho ông H chăm sóc, nuôi dưỡng là có căn cứ, đúng pháp luật. Bà L không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Ông, bà không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] *Về án phí*: Buộc bà Trần Thị Bích L phải chịu 300.000đồng án phí xin ly hôn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, các Điều 147, 220, 227, 228, 232, 264, 266 và Điều 267 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 1 Điều 51, Điều 53, khoản 1 Điều 56, Điều 58, khoản 2 Điều 81, Điều 110, Điều 116, Điều 117 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Xử:

- Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Trần Thị Bích L, xử cho bà Trần Thị Bích L với ông Trần Văn H ly hôn.

- Về con chung: Giao con chung tên Trần Chấn N, sinh ngày 01/6/2009, cháu Trần Nhật L, sinh ngày 25/10/2010 và cháu Trần Nhật H, sinh ngày 04/10/2013 cho ông Trần Văn H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến ngày con chung thành niên.

- Về cấp dưỡng: Bà Trần Thị Bích L không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Quyền đi lại thăm nom con, chăm sóc nuôi dưỡng, giáo dục con; Quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con; Yêu cầu cấp dưỡng được thực hiện theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình.

- Về án phí: Buộc bà Trần Thị Bích L phải chịu 300.000 đồng án phí xin ly hôn, được trừ vào số tiền 300.000 đồng, bà Trần Thị Bích L đã tạm nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0007508 ngày 12 tháng 5 năm 2022 của Chi cục Thi hành án huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng. Như vậy, bà Trần Thị Bích L đã nộp đủ án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự đã được sửa đổi bổ sung năm 2015 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a, Điều 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự đã được sửa đổi bổ sung năm 2015; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự đã được sửa đổi bổ sung năm 2015.

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án bà Trần Thị Bích L có quyền kháng cáo để Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng xét xử phúc thẩm. Riêng ông

Trần Văn H có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết đề Tòa án tỉnh Lâm Đồng xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKS huyện Đ;
- CC THADS huyện Đ;
- TAND tỉnh Lâm Đồng;
- Ủy ban nhân dân xã Đ,
huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng
(Số 83, ngày 26/11/2007;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Ngọc Vũ